

Bản án số: 28/2019/ HNGĐ-ST

Ngày: 11/01/2019

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Thực

2. Bà Lê Thị Nhung

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Phan Văn Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2015/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2015 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6154/2018/QĐ-ST ngày 14 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Quỳnh T** (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 4/6 đường ĐL, phường PT, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: **Ông Nguyễn S P** (vắng mặt).

Địa chỉ: 2679 SP DR, SJ, CA, 95148, USA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn bà Nguyễn Quỳnh T trình bày trong đơn khởi kiện và các bản tự khai:

Ngày 23/6/2011, bà Nguyễn Quỳnh T và ông Nguyễn S P tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh vào sổ đăng ký kết hôn số 3079, quyển số 08 ngày 27/6/2011. Ngày 16/7/2011, bà T và ông Sơn P làm đám cưới. Sau đó 05 ngày, ông Nguyễn S P về Hoa Kỳ và không trở lại Việt Nam.

- Về quan hệ hôn nhân: Sau khi kết hôn, do đời sống hôn nhân không hạnh

phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, thường xuyên gây gổ, mâu thuẫn trầm trọng, nên bà Nguyễn Quỳnh T yêu cầu được Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn S P.

- Về con chung: Bà Nguyễn Quỳnh T và ông Nguyễn S P không có con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Quỳnh T và ông Nguyễn S P không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do công việc, bà T xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

2. Ý kiến của bị đơn: Ông Nguyễn S P đã được Tòa án thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp theo đúng quy định pháp luật nhưng vắng mặt tại buổi hòa giải và không có văn bản gửi ý kiến.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Quỳnh T và ông Nguyễn S P đều vắng mặt,

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Quỳnh T xin ly hôn ông Nguyễn S P. Theo địa chỉ của ông Nguyễn Sơn P trong giấy chứng nhận kết hôn thể hiện ông Nguyễn Sơn P đang cư trú tại Hoa Kỳ. Theo quy định tại khoản 3 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thì thẩm quyền giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà T thuộc Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về sự vắng mặt của các đương sự

Bà Nguyễn Quỳnh T xin vắng mặt tại phiên tòa. Theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Quỳnh Tiên.

Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã 02 lần gửi công văn ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam cho ông Nguyễn S P nhưng đều không nhận được sự trả lời. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn S P.

3. Xét yêu cầu của đương sự:

Về hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 3079, quyển số 08 ngày 27/6/2011 do ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp, thể hiện: Bà Nguyễn Quỳnh T và ông Nguyễn S P là vợ chồng hợp pháp.

Theo lời khai của bà T: Ngày 23/6/2011, bà Nguyễn Quỳnh T và ông Nguyễn S P đăng ký kết hôn. Ngày 16/7/2011, bà T và ông S P làm đám cưới. Sau đó 05 ngày, ông Nguyễn S P về Hoa Kỳ và không trở lại Việt Nam. Bà T và ông S P ít liên lạc với nhau. Sau khi kết hôn, do đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, thường xuyên gây gổ, mâu thuẫn trầm trọng, nên bà Nguyễn Quỳnh T yêu cầu được Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn S P.

Trước yêu cầu xin ly hôn của bà T, Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã 02 lần gửi công văn ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam cho ông Nguyễn S P nhưng đều không nhận được sự trả lời.

Như vậy, trên thực tế bà T với ông S P đã không sống chung với nhau từ lâu, hiện mỗi người ở mỗi nước không còn quan tâm chăm sóc nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy yêu cầu của bà T được ly hôn ông Nguyễn S P là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Bà T và ông Nguyễn S P không có con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Bà T khai không có, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Tòa không xét.

Về án phí: Bà Nguyễn Quỳnh T phải chịu án phí sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 122; Điều 123 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Quỳnh T được ly hôn ông Nguyễn S P.
2. Về con chung: Bà Nguyễn Quỳnh T và ông Nguyễn S P không có con chung.
3. Tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Quỳnh T khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Quỳnh T phải chịu án phí sơ thẩm là 200.000 đồng.

Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Quỳnh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Ông Nguyễn Sơn P có quyền kháng cáo trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND Tp.HCM;
- Cục THADS TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Phong